

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN  
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 7 - 2021

Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN - TỈNH HƯNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Kim Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Minh Đức; bà Nguyễn Thị Hệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 77/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/5/2021 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 12/7/2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị L, sinh năm 1980.

**Bị đơn:** Anh Trần Anh D, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 169 đường B, phường Q, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Hiện anh D đang chấp hành án tại trại giam Nam Hà - Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng - Bộ Công an.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Cháu Trần Thị Khánh L1, sinh ngày 21/10/2003.

Người đại diện hợp pháp cho cháu: Chị Bùi Thị L - Mẹ đẻ.

**Người làm chứng:**

1. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 6B ngõ chợ cũ, phường Q, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

2. Chị Bùi Thị Minh N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 327A ĐIII, phường Q, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:

Chị và anh Trần Anh D kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố Hưng Yên ngày 24/12/2001. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 12 năm, đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D chơi cờ bạc nợ 2 tỷ đồng nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị đã chấp nhận bỏ qua và cho anh D cơ hội làm lại. Năm 2013 vợ chồng chị phải thế chấp giấy chứng nhận QSDĐ tại 169 B, phường Q để vay Ngân hàng Viettinbank số tiền 500 triệu đồng trả nợ dần cho anh D. Mặt khác, anh D công tác tại phòng T thuộc UBND thành phố H, anh đã lợi dụng làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 02/6/2017, anh D bị bắt tạm giam. Ngày 25/5/2018, anh D bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 18 năm tù về tội Giả mạo trong công tác và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Việc anh D chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần làm cho tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, kinh tế gia đình khó khăn. Đến nay, chị nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh. Để ổn định cuộc sống chị xin ly hôn anh D.

Bị đơn anh Trần Anh D trình bày: Anh và chị Bùi Thị L tự nguyện kết hôn năm 2001 tại UBND phường Q. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại 169 B, phường Q, thành phố Hưng Yên. Năm 2017 anh bị bắt về tội Giả mạo trong công tác và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và bị xử phạt 18 năm tù. Từ khi anh vào trại giam N thì chị L thì thoảng có thăm anh. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm không còn nên đồng ý.

Về con chung: Chị L và anh D có 01 con chung là Trần Thị Khánh L1, sinh ngày 21/10/2003, hiện đang ở với chị L. Ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh D nhất trí quan điểm của chị L về nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L và anh D đều khẳng định không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Cháu Trần Thị Khánh L1 trình bày: Năm 2018 anh D phải đi tù, lý do đi tù thì cháu không biết và cũng không muốn hỏi. Nay chị L xin ly hôn anh D, cháu L1 xin ở với mẹ.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh D đều có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vì anh D hiện đang trong Trại giam nên Tòa án đã không tiến hành hòa giải được.

**Tại phiên tòa:** Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, vì vậy HĐXX căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết, xét xử vắng mặt các đương sự.

- Quan điểm của đại diện VKSND thành phố Hưng Yên:

+ Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa. Nguyên, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị HĐXX tuyên xử cho chị L được ly hôn anh D; giao con cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con; không xem xét giải quyết về tài sản nợ chung; chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Chị Bùi Thị L xin ly hôn với anh Trần Anh D có địa chỉ: Số 169 đường B, phường Q, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Tại thời điểm giải quyết vụ án anh D đang chấp hành án tại Trại giam N. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên.

Tại phiên tòa nguyên, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Trần Anh D kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên ngày 24/12/2001, như vậy hôn nhân giữa chị L và anh D là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L: Chị L cũng như đại diện hai bên gia đình đều khẳng định cuộc sống vợ chồng anh chị bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2013.

Nguyên nhân là do anh D chơi bời nợ nần nhiều, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Ngày 25/5/2018 anh D đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử về tội Giả mạo trong công tác và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với mức hình phạt 18 năm tù. Chị L có đơn xin ly hôn, anh D đồng ý. Như vậy mâu thuẫn giữa chị L và anh D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Hiện tại anh D phải chấp hành án phạt tù thời gian dài. Vì vậy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L để chị sớm ổn định cuộc sống của mình và chăm lo cho con.

[2.3] Về con chung: Anh chị có một con chung là Trần Thị Khánh L1, sinh ngày 21/10/2003. Chị L tự nguyện nhận nuôi cháu, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng. Anh D hiện nay đang phải chấp hành bản án số 35/2018/HS-ST ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, nên anh đồng ý với nguyện vọng của chị L. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu L1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

[2.4] Về tài sản chung: Chị L và anh D đều không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

**[3] Về án phí:** Chị Bùi Thị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**[1].** Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L được ly hôn anh Trần Anh D.

**[2].** Về con chung: Giao cháu Trần Thị Khánh L1, sinh ngày 21/10/2003 cho chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh D không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị L.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**[3].** Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

**[4].** Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001435 ngày 05/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Chị L đã nộp đủ án phí.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận.**

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THADS T.P Hưng Yên;
- Phòng nghiệp vụ & THA, Tòa án tỉnh Hưng Yên;
- UBND phường Q;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Vũ Thị Kim Anh**